

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THẮNG LỢI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Khách sạn Thăng Lợi (thuộc Công ty Du lịch Khánh Hòa) theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ mười chín ngày 08 tháng 02 năm 2017 với số đăng ký mới là 4200351556.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 04 Pasteur, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2017)
Bà: Tsan Quay Liang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2017)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2017)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Ông: Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông: Nguyễn Cường Dũng	Thành viên	
Ông: Lê Hữu Trí	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Bà: Nguyễn Thái Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Bà: Tsan Quay Liang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Hồng Vân	Giám đốc	
Bà: Nguyễn Thị Bảo Quyên	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2017)
Ông: Phan Minh Trí	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	
Ông: Lê Văn Bắc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Ông: Nguyễn Mạnh Hiếu	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Bà: Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)
Ông: Nguyễn Công Khanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân
Giám đốc

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.296.705.974	110.868.728.375
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	15.091.182.459	21.627.030.397
111	1. Tiền		15.091.182.459	21.627.030.397
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	320.000.000	320.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		320.000.000	320.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.651.717.876	72.493.973.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	36.553.967.807	21.478.260.611
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.586.641.499	2.704.692.605
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	16.590.000.000	39.705.461.492
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	4.578.160.267	9.262.610.449
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(657.051.697)	(657.051.697)
140	IV. Hàng tồn kho	10	8.727.219.845	11.675.109.108
141	1. Hàng tồn kho		8.727.219.845	11.675.109.108
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.506.585.794	4.752.615.410
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	2.434.525.240	2.678.454.749
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		342.297.059	342.470.250
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	1.729.763.495	1.731.690.411

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		525.450.684.825	546.706.343.637
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.740.223.400	3.610.659.400
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	3.740.223.400	3.610.659.400
220	II. Tài sản cố định		399.149.586.071	413.151.628.963
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	394.944.748.297	408.869.648.333
222	- Nguyên giá		541.092.460.872	540.599.317.915
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.147.712.575)	(131.729.669.582)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.204.837.774	4.281.980.630
228	- Nguyên giá		5.708.740.000	5.603.355.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.503.902.226)	(1.321.374.370)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	4.772.088.300	4.772.088.300
231	- Nguyên giá		4.772.088.300	4.772.088.300
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	10.486.992.915	10.259.134.874
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.486.992.915	10.259.134.874
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	52.720.623.543	49.778.220.818
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.598.813.543	49.656.410.818
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		121.810.000	1.171.810.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.050.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		54.581.170.596	65.134.611.282
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	48.187.756.719	58.407.027.492
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	6.364.855	1.399.422
269	3. Lợi thế thương mại	16	6.387.049.022	6.726.184.368
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		617.747.390.799	657.575.072.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		30/06/2017		01/01/2017	
			VND		VND	
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		268.739.295.300		321.096.622.765	
310	I. Nợ ngắn hạn		108.828.514.101		158.780.200.345	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	20.045.659.299		41.468.613.523	
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.871.521.898		9.320.531.805	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	3.187.187.899		3.827.741.260	
314	4. Phải trả người lao động		2.072.030.943		6.405.603.695	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.564.138.458		1.533.171.852	
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		153.818.182		88.363.636	
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	9.289.084.583		39.010.514.997	
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	70.639.059.225		57.119.645.963	
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.013.614		6.013.614	
330	II. Nợ dài hạn		159.910.781.199		162.316.422.420	
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	296.000.000		1.021.000.000	
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	146.555.267.228		147.764.366.491	
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	13.059.513.971		13.531.055.929	
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		349.008.095.499		336.478.449.247	
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	349.008.095.499		336.478.449.247	
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		283.689.770.000		283.689.770.000	
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		283.689.770.000		283.689.770.000	
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.508.805.878		30.508.805.878	
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		552.090.824		552.090.824	
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		59.954.135		59.954.135	
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.736.672.124		20.246.893.883	
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.695.348.357		15.387.678.624	
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		13.041.323.767		4.859.215.259	
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.460.802.538		1.420.934.527	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		617.747.390.799		657.575.072.012	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Ly

Kế toán trưởng



Võ Thị Minh Cẩm

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 08 năm 2017

Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	233.619.009.074	176.263.261.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		39.749.057	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		233.579.260.017	176.263.261.825
11	4. Giá vốn hàng bán	26	189.165.056.607	144.126.364.268
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.414.203.410	32.136.897.557
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.340.507.501	4.515.056.708
22	7. Chi phí tài chính	28	9.618.031.588	11.847.575.146
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.885.732.454	11.982.932.354
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		3.493.948.251	-
25	9. Chi phí bán hàng	29	8.832.885.206	2.156.454.781
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	17.672.700.200	13.270.468.230
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.125.042.168	9.377.456.108
31	12. Thu nhập khác	31	6.442.545.334	763.488.693
32	13. Chi phí khác	32	6.096.639.274	432.658.023
40	14. Lợi nhuận khác		345.906.060	330.830.670
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.470.948.228	9.708.286.778
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	866.263.841	1.812.367.973
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	(476.507.391)	127.575.468
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.081.191.778	7.768.343.337
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		13.041.323.767	7.768.343.337
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		39.868.011	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	460	274

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Ly

Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Cẩm

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 08 năm 2017

Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.470.948.228	9.708.286.778
	2. Điều chỉnh cho các khoản		21.755.794.662	21.637.869.808
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.961.796.644	14.268.955.906
03	- Các khoản dự phòng		(1.050.000.000)	(222.778.240)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.654.015	47.514.519
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(553.440.200)	(4.438.754.731)
06	- Chi phí lãi vay		9.885.732.454	11.982.932.354
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(3.493.948.251)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.226.742.890	31.346.156.586
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.467.963.318)	(4.218.465.525)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.947.889.263	2.922.262.677
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(21.088.353.586)	915.037.851
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.098.487.736	745.788.672
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.975.433.592)	(11.716.985.295)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(372.482.647)	(684.842.171)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(44.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.368.886.746	19.264.052.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.501.013.709)	(5.685.961.529)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.490.453.844	21.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.590.000.000)	(9.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.705.461.492	7.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26.582.260.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		275.000.000	18.331.037.121
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.992.963.705	377.160.424
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.209.394.668)	10.644.054.198
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		93.633.598.081	74.322.084.412
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(81.323.284.082)	(56.798.739.597)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.310.313.999	17.523.344.815
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.530.193.923)	47.431.451.808